BỘ Y TẾ
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 330 /QĐ-ATTP

Hà Nội, ngày 05 *tháng* 08 *năm 2022*

tamnt.attp_Nguyễn Thanh Tam_05/08/2022 15:32:51

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng, Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm ngày 11/05/2022 và hồ sơ khắc phục của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng, địa chỉ: 21 Lê Đại Hành, quận Hồng Bàng, Hải Phòng, thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **78/2022/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đ/c Q. Bộ trưởng (để b/c);
- Đ/c TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Ban Quản lý ATTP TP. HCM, Bắc Ninh, Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KN.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM
BỘ Y TẾ

Nguyễn Hùng Long

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số ……./QĐ-ATTP ngày….. tháng…. năm 2022 của Cục An toàn thực phẩm)

tamnt.atp_Nguyễn Thanh Tam_05/08/2022 15:32:51

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/giới hạn định lượng/phạm vi đo (nếu có)
I	**Lĩnh vực hóa lý**			
1	Xác định hàm lượng Nitrit - Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử	Nước uống đóng chai	TCVN 6178: 1996 (ISO 6777 : 1984)	LOQ = 0,015mg/L
2	Xác định hàm lượng Clorua - Phương pháp chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat		TCVN 6194: 1996 (ISO 9297: 1989)	LOQ = 5 mg/L
3	Xác định hàm lượng sắt - Phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1,10- phenaltrolin		TCVN 6177: 1996 (ISO 6332: 1988)	LOQ = 0,03 mg/L
4	Xác định hàm lượng đồng - Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F-AAS)		TCVN 6193: 1996 (ISO 8288 : 1996)	LOQ = 0,02 mg/L
5	Xác định hàm lượng kẽm - Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F-AAS)		TCVN 6193: 1996 (ISO 8288 : 1996)	LOQ= 0,015 mg/L
6	Xác định hàm lượng Protein	Sữa và các sản phẩm sữa bổ sung vi chất dinh dưỡng	TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1 : 2014)	
7	Xác định hàm lượng Lipid		TCVN 7084:2010 (ISO 1736:2008/IDF 9:2008)	
8	Xác định hàm lượng tro tổng số	Phụ gia thực phẩm	TCCS.01:2012 Ref: JECFA monograph 1 – Vol.4	
9	Xác định hàm lượng chì thôi nhiễm	Bao bì dụng cụ bằng gốm, thuỷ tinh chứa đựng thực phẩm	TCVN 7146-1:2002	LOQ = 10 µg/L
10	Xác định hàm lượng Cadimi	Bao bì bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm	QCVN:12-1:2011/BYT	LOQ = 0,02 mg/kg

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/giới hạn định lượng/phạm vi đo (nếu có)
II	**Lĩnh vực vi sinh**			
1	Phát hiện *Salmonella spp.* trên đĩa thạch	Thực phẩm	TCVN 10780-1:2017	Không phát hiện hoặc phát hiện /25g
2	Định lượng *Staphylococci* có phản ứng dương tính với Coagulase (*Staphylococcus aureus* và các loài khác) trên đĩa thạch - Phần 1: kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker		TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999)	LOD = 10 CFU/g LOD = 1 CFU/mL
3	Định lượng vi sinh vật - Phần 1: đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật đổ đĩa.		TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)	LOD = 10 CFU/g LOD = 1 CFU/mL
4	Định lượng vi sinh vật - Phần 2: đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật cấy bề mặt.		TCVN 4884-2:2015 (ISO 4833-2:2013)	LOD = 10 CFU/g LOD = 1 CFU/mL
5	Định lượng Coliforms - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)	LOD = 10 CFU/g LOD = 1 CFU/mL
6	Định lượng Coliforms - Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất		TCVN 4882:2007 (ISO 4831:2006)	LOD = 0 MPN/g (mL)
7	Định lượng *E. coli* dương tính với ß-Glucuronidaza - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44^0C sử dụng 5-Bromo -4-clo-3-indolyl ß- D-Glucuronidaza		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	LOD = 10 CFU/g LOD = 1 CFU/mL
8	Định lượng *E. coli* giả định - Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất		TCVN 6846:2007 (ISO 7251:2005)	LOD = 0 MPN/g (mL)
9	Định lượng nấm men và nấm mốc - Phần 1 : kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0,95		TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	LOD = 1 CFU/mL
10	Định lượng nấm men và nấm mốc - Phần 2: kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95		TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008	LOD = 10 CFU/g LOD = 1 CFU/mL
11	Định lượng *Enterobacteriaceae* - Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 5518-2:2007 (ISO 21528-2:2004)	LOD = 10 CFU/g LOD = 1 CFU/mL
12	Định lượng *Clostridium perfringens* trên đĩa thạch - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	LOD = 10 CFU/g LOD = 1 CFU/mL
13	Định lượng *Bacillus cereuse* giả định trên thạch - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C		TCVN 4992: 2005 (ISO 7932: 2004)	LOD = 10 CFU/g LOD = 1 CFU/mL

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/giới hạn định lượng/phạm vi đo (nếu có)
14	Định lượng Coliforms - Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai	TCVN 6187-1: 2019 (ISO 9308-1:2014)	LOD = 1 CFU/250mL
15	Định lượng *E. coli* - Phương pháp màng lọc		TCVN 6187-1: 2019 (ISO 9308-1:2014)	LOD = 1 CFU/250mL
16	Định lượng bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (*clostridia*) - phần 2: phương pháp màng lọc		TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)	LOD = 1 CFU/50mL
17	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa* - Phương pháp màng lọc		TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	LOD = 1 CFU/250mL
18	Định lượng vi khuẩn đường ruột *Streptococci faecal* - Phần 2: Phương pháp màng lọc		TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2: 2000)	LOD = 1 CFU/250mL

Ghi chú: Phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

tamnt.htp_Nguyen Thanh Tam_05/08/2022 15:32:51